

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đậu Thị Phú
2. Ông Hoàng Anh Huê

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích N. Địa chỉ: thôn H , xã L , huyện Q , tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Bá S; Địa chỉ: Thôn 5, xã L , huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Chị và anh Trần Bá S có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 13 tháng 3 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc một thời gian đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S bỏ bê theo bạn bè, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên bảo và bỏ qua nhưng anh S vẫn

không thay đổi tính tình. Đến khoảng đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã ly thân .

Về quan hệ con chung: Chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có không có con chung, tài sản và công nợ chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản và công nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh S nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Liên Trường kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho phía gia đình anh S. Anh S vắng mặt nên cán bộ UBND xã Liên Trường đã giao cho bà Trần Thị Liệu là mẹ ruột của anh Trần Bá S.

Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch cũng đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị Liệu là mẹ ruột của anh Trần Bá S, bà Liệu khai: Giữa chị N và anh S có quá trình tìm hiểu sau đó trình bày với bà Liệu về việc kết hôn. Sau đó giữa chị N và anh S mâu thuẫn như thế nào bà Liệu không biết nhưng chị N và anh S đã ly thân từ lâu. Chuyện của vợ chồng anh S và chị N thì để vợ chồng tự quyết định, bà không có ý kiến gì. Bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình, tuy nhiên chị N kiên quyết ly hôn thì tùy thuộc vào hai vợ chồng. Bà Liệu trình bày giữa vợ chồng không có con chung, tài sản và công nợ chung. Chị N làm đơn xin ly hôn thì bà đã nói với con trai là anh S nhưng anh S nói với bà Liệu là chuyện của vợ chồng thì vợ chồng tự quyết định.

Bà Liệu đã được nghe đọc lại biên bản, bà Liệu công nhận nội dung biên bản là đúng sự thật tuy nhiên bà từ chối ký vào biên bản.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt đồng thời niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Bá S. Về quan hệ tình cảm: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Bích N ly hôn với anh Trần Bá S. Về

quan hệ con chung, tài sản chung và công nợ chung: không xem xét. Về án phí: không xem xét. Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Bá S tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Trường, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 13 tháng 3 năm 2017 vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh S chung sống hạnh phúc một thời gian, do mâu thuẫn trong cuộc sống nên chị N và anh S đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị N trình bày không còn tình cảm với anh S và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xét xử cho chị N được ly hôn với anh S.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Bá S vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Bá S.

[2] Về quan hệ con chung, tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Bá S trình bày giữa chị và anh S không có con chung, không tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Trần Bá S.

2. Về quan hệ tình cảm:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Bá S.

3. Về quan hệ con chung: không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí chị N phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0007622 ngày 09/6/2021. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/01/2022). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Liên Trường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

